

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 7 năm 2018

BÁO CÁO SỐ LIỆU TUYỂN SINH - ĐÀO TẠO THÁNG 6 NĂM 2018

(Tính từ 01/6/2018 đến 30/6/2018)

TT	Tên nghề đào tạo (nhập chính xác tên nghề theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN)	Mã nghề cấp IV (nhập chính xác mã nghề cấp IV đối với các nghề trình độ trung cấp, Cao đẳng)	Trình độ đào tạo (Ghi rõ cho từng nghề: Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp, Đào tạo thường xuyên - ĐTTX)	Kết quả tuyển sinh				Kết quả tốt nghiệp			
				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
					Nữ	Dân tộc thiểu số			Nữ	Dân tộc thiểu số	Số lượng có việc làm
1	Công nghệ kỹ thuật máy tính	6480105	Cao đẳng	1	0	0		0	0	0	0
2	Lập trình máy tính	6480207	Cao đẳng	3	0	0		0	0	0	0
4	Thiết kế trang Web	6480214	Cao đẳng	2	0	1		0	0	0	0
5	Tiếng Anh	6220206	Cao đẳng	3	1	0		0	0	0	0
6	Tài chính doanh nghiệp	6340201	Cao đẳng	1	1	0		0	0	0	0
7	Kế toán doanh nghiệp	6340302	Cao đẳng	1	0	0		0	0	0	0
8	Quản trị doanh nghiệp	6340417	Cao đẳng	3	3	0		0	0	0	0
9	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	6510201	Cao đẳng	6	0	0		0	0	0	0

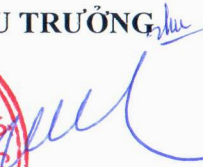


TT	Tên nghề đào tạo (nhập chính xác tên nghề theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN)	Mã nghề cấp IV (nhập chính xác mã nghề cấp IV đối với các nghề trình độ trung cấp, Cao đẳng)	Trình độ đào tạo (Ghi rõ cho từng nghề: Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp, Đào tạo thường xuyên - ĐTTX)	Kết quả tuyển sinh				Kết quả tốt nghiệp			
				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
					Nữ	Dân tộc thiểu số			Nữ	Dân tộc thiểu số	Số lượng có việc làm
10	Công nghệ chế tạo máy	6510212	Cao đẳng	2	0	0		0	0	0	0
11	Cắt gọt kim loại	6520121	Cao đẳng	1	0	0		0	0	0	0
12	Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp	6520155	Cao đẳng	1	0	0		0	0	0	0
13	Công nghệ ô tô	6510216	Cao đẳng	44	0	1		0	0	0	0
14	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	6510211	Cao đẳng	1	0	0		0	0	0	0
15	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6520205	Cao đẳng	4	0	0		0	0	0	0
16	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	6520255	Cao đẳng	2	0	0		0	0	0	0
18	Cơ điện tử	6520263	Cao đẳng	4	0	0		0	0	0	0
19	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	6510305	Cao đẳng	2	0	0		0	0	0	0
20	Điện tử công nghiệp	6520225	Cao đẳng	1	0	0		0	0	0	0
21	Điện công nghiệp	6520227	Cao đẳng	4	0	0		0	0	0	0
22	Công nghệ may	6540204	Cao đẳng	4	4	0		0	0	0	0
23	Kỹ thuật Xây dựng	6580201	Cao đẳng	1	0	0		0	0	0	0

TT	Tên nghề đào tạo (nhập chính xác tên nghề theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN)	Mã nghề cấp IV (nhập chính xác mã nghề cấp IV đối với các nghề trình độ trung cấp, Cao đẳng)	Trình độ đào tạo (Ghi rõ cho từng nghề: Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp, Đào tạo thường xuyên - ĐTTX)	Kết quả tuyển sinh				Kết quả tốt nghiệp			
				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
					Nữ	Dân tộc thiểu số			Nữ	Dân tộc thiểu số	Số lượng có việc làm
24	Thiết kế đồ họa	6210402	Cao đẳng	2	0	0		0	0	0	0
25	Thương mại điện tử	6340122	Cao đẳng	1	0	0		0	0	0	0
26	Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính	5480105	Trung cấp	32	1	1		0	0	0	0
27	Lập trình máy tính	5480207	Trung cấp	39	0	0		0	0	0	0
28	Tin học ứng dụng	5480205	Trung cấp	29	6	4		0	0	0	0
29	Quản trị mạng máy tính	5480209	Trung cấp	31	2	0		0	0	0	0
30	Thiết kế trang Web	5480214	Trung cấp	18	1	2		0	0	0	0
31	An ninh mạng	5480216	Trung cấp	9	1	0		0	0	0	0
32	Tiếng Anh	5220206	Trung cấp	62	35	1		0	0	0	0
33	Tài chính doanh nghiệp	5340201	Trung cấp	5	2	0		0	0	0	0
34	Kế toán doanh nghiệp	5340302	Trung cấp	21	15	0		0	0	0	0
35	Quản trị doanh nghiệp	5340417	Trung cấp	36	21	4		0	0	0	0
36	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	5510201	Trung cấp	22	0	0		0	0	0	0
37	Công nghệ chế tạo dụng cụ	5510212	Trung cấp	1	0	0		0	0	0	0
38	Cắt gọt kim loại	5520121	Trung cấp	4	0	0		0	0	0	0

TT	Tên nghề đào tạo (nhập chính xác tên nghề theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN)	Mã nghề cấp IV (nhập chính xác mã nghề cấp IV đối với các nghề trình độ trung cấp, Cao đẳng)	Trình độ đào tạo (Ghi rõ cho từng nghề: Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp, Đào tạo thường xuyên - ĐTTX)	Kết quả tuyển sinh				Kết quả tốt nghiệp			
				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
					Nữ	Dân tộc thiểu số			Nữ	Dân tộc thiểu số	Số lượng có việc làm
39	Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp	5520155	Trung cấp	2	0	0		0	0	0	0
40	Công nghệ ô tô	5510216	Trung cấp	163	1	5		0	0	0	0
41	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	5510211	Trung cấp	2	0	0		0	0	0	0
42	Lắp đặt thiết bị lạnh	5520114	Trung cấp	9	0	0		0	0	0	0
43	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5520205	Trung cấp	12	0	0		0	0	0	0
44	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	5520255	Trung cấp	33	0	0		0	0	0	0
45	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	5510303	Trung cấp	16	0	0		0	0	0	0
46	Cơ điện tử	5520263	Trung cấp	8	0	0		0	0	0	0
47	Công nghệ kỹ thuật điều khiển tự động	5510305	Trung cấp	3	0	0		0	0	0	0
48	Điện tử công nghiệp	5520225	Trung cấp	4	0	0		0	0	0	0
49	Điện công nghiệp	5520227	Trung cấp	22	0	0		0	0	0	0
50	Công nghệ may và thời trang	5540204	Trung cấp	14	11	0		0	0	0	0
51	May thời trang	5540205	Trung cấp	5	5	1		0	0	0	0

TT	Tên nghề đào tạo (nhập chính xác tên nghề theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN)	Mã nghề cấp IV (nhập chính xác mã nghề cấp IV đối với các nghề trình độ trung cấp, Cao đẳng)	Trình độ đào tạo (Ghi rõ cho từng nghề: Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp, Đào tạo thường xuyên - ĐTTX)	Kết quả tuyển sinh				Kết quả tốt nghiệp			
				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
					Nữ	Dân tộc thiểu số			Nữ	Dân tộc thiểu số	Số lượng có việc làm
52	Kỹ thuật Xây dựng	5580201	Trung cấp	7	0	0		0	0	0	0
53	Cơ khí chế tạo	5520117	Trung cấp	5	0	0		0	0	0	0
54	Thiết kế đồ họa	5210402	Trung cấp	30	7	4		0	0	0	0
55	Thương mại điện tử	5340122	Trung cấp	3	1	0		0	0	0	0
56	Công nghệ thông tin		ĐTTX (<3Tháng)	9	0	0		373	56	0	
57	Công nghệ kỹ thuật cơ khí		ĐTTX (<3Tháng)	3	0	0		47	0	0	
58	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông		ĐTTX (<3Tháng)	14	0	0		34	4	0	

HIỆU TRƯỞNG 



Phạm Hữu Lộc